

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 10/06/2025

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		MRM+P11+P7	7:25	1+21+0	0+0		0+11+11	0+0	
2		P2+P8+TTC2	9:25	20+0+0	0+0+0		13+4+4	0+0+0	

TTBDSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 10/06/2025	TO: MRM - P11 - P7	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: HUNG - HTRUNG -	ETA: 09:20
XANH-1		MQUAN	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	KARPININ ALEXEY	MRM	24	1	15			98	KHOAN	RUS
2	PHAM VIET DUNG	P11	79-80	2	12			68	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYEN VAN XUAN	P11	71	1	4			61	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYEN TRONG THUY	P11						67	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYEN SY HIEU	P11	67-68	2	13			75	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYEN VAN DAM	P11	78	1	7			85	KHOAN	Vietnamese
7	HOANG TRUNG HIEU	P11	69	1	5			72	KHOAN	Vietnamese
8	DO VAN MAO	P11	74-75	2	12			70	KHOAN	Vietnamese
9	TRAN VAN LEN	P11	77	1	4			63	KHOAN	Vietnamese
10	TRAN HONG NGU	P11	76	1	8			68	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYEN VIET MINH	P11	72	1	5			67	KHOAN	Vietnamese
12	NGO HONG GIANG	P11	70	1	7			71	KHOAN	Vietnamese
13	PHAM THE CHUYEN	P11	61-62	2	7			64	KHOAN	Vietnamese
14	TRAN DUC ON	P11	66	1	8			55	KHOAN	Vietnamese
15	VU HUU KE	P11	63-65	3	17			84	KHOAN	Vietnamese
16	SICHINAVA GIORGI	P11	89	1	7			78	KHOAN	Russian
17	BUI ANH SON	P11	87	1	3			62	KHOAN	Vietnamese
18	TRAN QUANG HUY	P11	85-86	2	18			93	DVL	Vietnamese
19	NGUYEN QUANG HOAN	P11	81-82	2	20			87	DVL	Vietnamese
20	BUI HUY BANG	P11	83	1	18			68	DVL	Vietnamese
21	NGUYEN MINH THAO	P11	88	1	14			67	DVL	Vietnamese
22	NGUYEN DUNG	P11	73	1	12			60	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.		DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL			REMARK
			PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO		
					PCS	W	PCS	W				
1		MRM	1	98	1	15	0	0	0		(+1NBO: PHAM THI LAN CHI)	
2		P11	21	1.485	28	201	0	0	11			
3		P7	0	0	0	0	3	45	11			
		TOTAL	22	1.583	29	216	3	45	22			
		WEIGHT KG		1.583		216		45				

GRAND TOAL: 1.844 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 10/06/2025	TO: P2 - BK21 - TTC2	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:50
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: HUNG - HTRUNG -	ETA: 11:40
VANG-2		MQUAN	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	PHAN THANH GIANG	P2	25-26	2	19			55	XAYLAP	Vietnamese
2	TRINH HONG SON	P2	38	1	12			62	XAYLAP	Vietnamese
3	LA KHAC HAO	P2	32	1	11			54	XAYLAP	Vietnamese
4	NGUYEN KHAC THEP	P2	31	1	14			57	XAYLAP	Vietnamese
5	PHAM VAN CUONG	P2	40-41	2	9			71	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYEN VIET TOAN	P2	29-30	2	19			69	XAYLAP	Vietnamese
7	Dinh Van Te	P2	19	1	13			74	XAYLAP	Vietnamese
8	PHAM ANH QUAN	P2	36-37	2	12			64	XAYLAP	Vietnamese
9	LE VAN THU	P2	39	1	9			76	XAYLAP	Vietnamese
10	HOANG VAN VIET	P2	34-35	2	17			80	XAYLAP	Vietnamese
11	HA TUAN DUNG	P2	15-16	2	20			67	XAYLAP	Vietnamese
12	LE TRI HAI	P2	17-18	2	18			73	XAYLAP	Vietnamese
13	TRAN DUY AN	P2	22-23	2	20			66	XAYLAP	Vietnamese
14	LE VAN HUNG	P2	27-28	2	19			68	XAYLAP	Vietnamese
15	PHAM CONG HINH	P2	46-47	2	18			65	XAYLAP	Vietnamese
16	LE XUAN TIEN	P2	42-43	2	18			59	XAYLAP	Vietnamese
17	LE HONG QUAN	P2	44-45	2	20			68	XAYLAP	Vietnamese
18	PHAM VAN TU	P2	20-21	2	20			58	XAYLAP	Vietnamese
19	NGUYEN VAN CUONG	P2	33	1	16			66	XAYLAP	Vietnamese
20	PHAN VAN THOI	P2	24	1	17			75	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.		DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL			REMARK
			PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO		
					PCS	W	PCS	W				
1		P2	20	1.327	33	321	0	0	13			
2		BK21	0	0	0	0	0	0	2			
3		TTC2	0	0	0	0	0	0	4			
		TOTAL	20	1.327	33	321	0	0	19			
		WEIGHT KG		1.327		321		0				

GRAND TOAL: 1.648 KGS

VSP REP.

[Signature]
N.T. Hoa

VNH REP.

[Signature]
U.T. Thu Huong

CAPTAIN

[Signature]
Nguyen Duc Thanh Trung